

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 – 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	7 – 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	10 – 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	12 – 47

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C

Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Thực Phẩm G.C (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 từ trang 7 đến trang 47 kèm theo.

KHÁI QUÁT CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C (gọi tắt là "Công ty") là công ty được chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH Thực Phẩm G.C theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3602503768 ngày 31 tháng 05 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, các lần thay đổi sau đó với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 18 vào ngày 11 tháng 08 năm 2022 về việc thay đổi Tổng Giám đốc.

Thông tin về trụ sở chính và văn phòng đại diện:

- Trụ sở chính: Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai.
- Văn phòng đại diện được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 12/01/2019, có địa chỉ tại: 304 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là buôn bán thực phẩm (trừ thịt động vật hoang dã thuộc hàng cấm); Kinh doanh bất động sản.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2022 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thứ	Chủ tịch	
Bà Bùi Thị Mai Hiền	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên	
Ông Nguyễn Diệp Pháp	Thành viên	
Ông Lê Hoàn Sử	Thành viên độc lập HĐQT	Bỏ nhiệm từ ngày 19/03/2022

Ban Kiểm soát

Ông Lê Thanh Duy	Trưởng ban kiểm soát	Bỏ nhiệm từ ngày 19/03/2022
Bà Nguyễn Minh Như Khanh	Thành viên	Bỏ nhiệm từ ngày 19/03/2022
Bà Nguyễn Thị Trường San	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thứ	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 24/07/2022
Bà Bùi Thị Mai Hiền	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm từ ngày 24/07/2022

Kế toán trưởng của Công ty trong năm 2022 và đến ngày lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Châu.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm 2022 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Thứ - Chủ tịch.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn này.

Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng.
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Công ty đang trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Người sử dụng Báo cáo tài chính nên đọc Báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

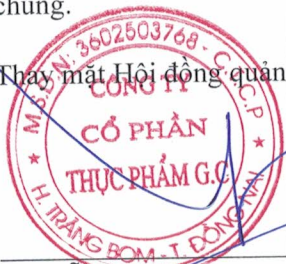
PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định áp dụng quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Thử

Đại diện pháp luật

Đồng Nai, ngày 14 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Thực Phẩm G.C

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ Phần Thực Phẩm G.C, được lập ngày 14 tháng 03 năm 2023, từ trang 7 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính của Ban Tổng Giám đốc.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ Phần Thực Phẩm G.C tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 34.2 của Báo cáo tài chính riêng: Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 25/2022/NQ-HĐQT ngày 10/10/2022 đã thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2021. Theo đó, ngày 22/12/2022, Công ty công bố tỷ lệ chia cổ tức bằng cổ phiếu là 18%, tương đương 4.679.999 cổ phiếu và đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận theo Thông báo số 292/UBCK-QLCB ngày 17/01/2023. Tháng 01 năm 2023, căn cứ theo Thông báo này Công ty ghi nhận tăng vốn góp của chủ sở hữu từ việc chia cổ tức bằng cổ phiếu.

Vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi ý kiến kiểm toán đã trình bày.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính riêng này tại ngày 18/02/2022.



Phan Thanh Điền

Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số
1496-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY – CHI NHÁNH TẠI TP.HCM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Thị Tuyết Hoa

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số: 3558-2021-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2022 VND	Tại 01/01/2022 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		171.105.874.037	124.715.510.945
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	6.119.666.809	3.458.826.570
Tiền	111		6.119.666.809	3.458.826.570
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		162.454.048.183	114.559.487.500
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	45.785.470.907	31.207.264.289
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	73.028.007.130	27.648.256.743
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	49.665.373.377	58.273.355.899
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(6.024.803.231)	(2.569.389.431)
Hàng tồn kho	140	10	851.435.006	2.021.834.293
Hàng tồn kho	141		851.435.006	2.021.834.293
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.680.724.039	4.675.362.582
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	87.616.698	20.133.332
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.475.195.186	4.537.317.095
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	117.912.155	117.912.155
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		260.095.159.907	249.723.432.659
Các khoản phải thu dài hạn	210		375.000.000	195.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	8	375.000.000	195.000.000
Tài sản cố định	220		42.454.466.711	2.633.919.800
Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.417.673.287	2.587.094.552
- Nguyên giá	222		5.541.867.329	7.644.831.602
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.124.194.042)	(5.057.737.050)
Tài sản cố định vô hình	227	13	41.036.793.424	46.825.248
- Nguyên giá	228		41.055.859.091	54.909.091
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(19.065.667)	(8.083.843)
Tài sản dở dang dài hạn	240		4.561.555.917	43.959.295.050
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	4.561.555.917	43.959.295.050
Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	212.535.035.749	202.671.767.113
Đầu tư vào công ty con	251		202.200.000.000	202.200.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		20.000.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		25.000.000	25.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(11.689.964.251)	(1.553.232.887)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		2.000.000.000	2.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		169.101.530	263.450.696
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	169.101.530	263.450.696
TỔNG TÀI SẢN	270		431.201.033.944	374.438.943.604

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2022	Tại 01/01/2022
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		129.514.868.215	92.719.089.566
Nợ ngắn hạn	310		129.514.868.215	92.719.089.566
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	49.768.823.118	28.936.708.464
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	74.927.922	571.637.024
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	163.590.265	1.617.368.316
Phải trả người lao động	314		1.027.404.033	707.720.706
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	457.688.413	236.737.534
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	2.023.772.409	2.476.051.918
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	75.737.921.325	57.461.760.675
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		260.740.730	711.104.929
Nợ dài hạn	330		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		301.686.165.729	281.719.854.038
Vốn chủ sở hữu	410	22	301.686.165.729	281.719.854.038
Vốn góp của chủ sở hữu	411		260.000.000.000	260.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		260.000.000.000	260.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		41.686.165.729	21.719.854.038
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		21.719.854.038	9.404.497.155
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		19.966.311.691	12.315.356.883
TỔNG NGUỒN VỐN	440		431.201.033.944	374.438.943.604

Đồng Nai, ngày 14 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu



Nguyễn Thị Châu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Châu



Nguyễn Văn Thứ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	192.746.555.905	161.228.988.463
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	1.070.375.801	4.631.704.086
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		191.676.180.104	156.597.284.377
Giá vốn hàng bán	11	25	147.569.910.561	123.054.945.858
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		44.106.269.543	33.542.338.519
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	23.057.650.530	9.268.820.761
Chi phí tài chính	22	27	15.396.448.032	5.428.895.322
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		5.076.942.224	3.723.325.886
Chi phí bán hàng	25	28	13.963.271.945	10.388.883.514
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	17.819.176.273	14.708.494.994
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		19.985.023.823	12.284.885.450
Thu nhập khác	31	29	1.199.739.492	2.265.083.326
Chi phí khác	32	30	93.909.232	60.187.175
Lợi nhuận khác	40		1.105.830.260	2.204.896.151
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.090.854.083	14.489.781.601
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	73.683.882	1.526.248.040
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		21.017.170.201	12.963.533.561
(60 = 50 - 51)				

Đồng Nai, ngày 14 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Thị Châu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Châu

Đại diện pháp luật



Nguyễn Văn Thứ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		21.090.854.083	14.489.781.601
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		702.016.941	771.102.950
Các khoản dự phòng	03		13.592.145.164	3.035.623.949
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.497.817	27.335.125
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(22.734.581.008)	(9.104.560.416)
Chi phí lãi vay	06		5.076.942.224	3.723.325.886
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		17.729.875.221	12.942.609.095
(Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09		(56.144.572.459)	7.545.190.157
(Tăng)/ Giảm hàng tồn kho	10		1.170.399.287	1.387.785.267
Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả	11		20.413.671.356	8.222.294.468
(Tăng)/ Giảm chi phí trả trước	12		26.865.800	221.730.724
Giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(5.076.942.224)	(3.723.325.886)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.526.248.040)	(361.416.090)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.501.222.709)	(254.718.910)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(24.908.173.768)	25.980.148.825
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.603.210.867)	(42.059.982.455)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		181.818.182	530.000.000
Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	5.100.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(20.000.000.000)	(88.025.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		30.739.759.974	734.560.416
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		9.318.367.289	(123.720.422.039)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (TIẾP)

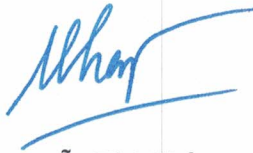
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	100.000.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		118.524.348.486	139.603.034.709
Tiền trả nợ gốc vay	34		(100.248.187.836)	(140.031.514.324)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài	40		18.276.160.650	99.571.520.385
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2.686.354.171	1.831.247.171
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	3.458.826.570	1.654.914.524
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(25.513.932)	(27.335.125)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	6.119.666.809	3.458.826.570

Đồng Nai, ngày 14 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu



Nguyễn Thị Châu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Châu

Đại diện pháp luật



Nguyễn Văn Thứ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C (gọi tắt là "Công ty") là công ty được chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH Thực Phẩm G.C theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3602503768 ngày 31 tháng 05 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, các lần thay đổi sau đó với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 18 vào ngày 11 tháng 08 năm 2022 về việc thay đổi Tổng Giám đốc.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 là 260.000.000.000 đồng, được chia thành 26.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Thông tin về trụ sở chính và văn phòng đại diện:

- Trụ sở chính: Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai.
- Văn phòng đại diện được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 12/01/2019, có địa chỉ tại: 304 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2022 là 50 người (tại 31/12/2021 là 31 người)

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh buôn bán và kinh doanh bất động sản.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là Buôn bán thực phẩm (trừ thịt động vật hoang dã thuộc hàng cấm); Kinh doanh bất động sản.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ngày 13/12/2022, Công ty được Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra Quyết định số 845/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn chứng khoán Hà Nội, với mã chứng khoán GCF.

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh thương mại các mặt hàng thực phẩm, giá hàng hóa đầu vào, cùng các chính sách khuyến mãi giảm giá sẽ ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty không các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc.

Công ty có 04 Công ty con và 02 Công ty liên kết như được nêu tại Thuyết minh số 15 của Báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP)

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán và hoàn toàn có thể so sánh được cho Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch hàng năm.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”), và Thông tư 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Công ty đang trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Người sử dụng Báo cáo tài chính nên đọc Báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ hoặc chưa được loại trừ toàn bộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH (TIẾP)

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh tại thời điểm báo cáo (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh là dự phòng phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra do giảm giá các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập khi Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính chất tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Trong trường hợp Công ty không thu thập được những bằng chứng đáng tin cậy về việc giảm giá của khoản chứng khoán kinh doanh, các khoản đầu tư này vẫn được phản ánh trong Báo cáo tài chính riêng theo phương pháp giá gốc.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.6 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí xây dựng và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4.7 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn là những chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong 12 tháng. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian từ trên 12 tháng đến 36 tháng.

4.8 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 06
Máy móc, thiết bị	04
Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 – 15
Phần mềm máy tính	05

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.8 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP)

Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được TSCĐ vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến. TSCĐ vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

4.9 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư (“BĐSDT”) được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của BĐSĐT là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà doanh nghiệp bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được BĐSĐT tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành BĐSĐT đó.

Khấu hao của Bất động sản đầu tư được xác định theo phương pháp đường thẳng. Công ty không trích khấu hao đối với Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá là nhà cửa và quyền sử dụng đất.

4.10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.11 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Đối với việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn sản phẩm, hàng hoá bất động sản:

- Công ty trích trước vào giá vốn hàng bán đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng.
- Số chi phí trích trước được tạm tính và số chi phí thực tế phát sinh được ghi nhận vào giá vốn hàng bán tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hoá bất động sản được xác định là đã bán trong kỳ và đủ tiêu chuẩn ghi nhận doanh thu (được xác định theo diện tích).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.12 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.13 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.13 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn

Chi phí được ghi nhận theo nguyên tắc thận trọng, được tập hợp theo thực tế phát sinh, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.

4.14 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính là 20% tính trên thu nhập chịu thuế của hoạt động thương mại.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.15 NGOẠI TỆ

Ngân hàng lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán là Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV).

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, kế toán quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam. Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền được áp dụng bên Có Tài khoản tiền ngoại tệ và áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế khi phát sinh các nghiệp vụ bên Nợ Tài khoản tiền. Riêng trường hợp rút quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ gửi vào Ngân hàng thì được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ kế toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Tỷ giá áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng là tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ. Trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

4.16 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: hoạt động bán bất động sản, cung cấp dịch vụ và hoạt động xây dựng.

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố địa lý vùng miền cũng như đối tượng khách hàng. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

Công ty không trình bày thuyết minh này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 28 về “Báo cáo Bộ phận” yêu cầu trong trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về Báo cáo bộ phận theo quy định của Chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.17 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, Bên liên quan của Công ty là các Công ty con, Công ty liên kết do Công ty đầu tư và chi phối, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	53.016.173	11.121.230
Tiền gửi ngân hàng	6.066.650.636	3.447.705.340
Cộng	6.119.666.809	3.458.826.570

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GC FOOD
Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai,

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2022		Tại 01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	45.785.470.907	(6.024.803.231)	31.207.264.289	(2.519.639.431)
- Công ty CP Thực Phẩm Dinh dưỡng Nutifood Bình Dương	9.591.752.160	-	2.403.210.700	-
- Công ty TNHH Tư vấn Pháp luật Thiên Minh (*)	11.600.000.000	(5.800.000.000)	11.600.000.000	(2.320.000.000)
- Các khoản phải thu khách hàng khác	24.593.718.747	(224.803.231)	17.204.053.589	(199.639.431)
Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-	-	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	3.950.328.300	-	445.258.865	(199.639.431)
- Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Cánh Đồng Việt	-	-	45.980.000	-
- Công ty Cổ Phần Năng Và Gió	950.325.300	-	-	-
- GC Food USA INC	-	-	399.278.865	(199.639.431)
- Công ty TNHH An Hạnh Thông	3.000.003.000	-	-	-

(*) Khoản phải thu từ bán hai căn hộ Vinhomes Golden River tại địa chỉ số 02 Tôn Đức Thắng, P. Bến Nghé, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh. Công ty đang trong quá trình khởi kiện Công ty TNHH Tư vấn Pháp luật Thiên Minh do không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán Theo Hợp đồng chuyển nhượng.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GC FOOD
Lô V-2E, đường số 11. KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai,

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2022		Tại 01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	73.028.007.130	-	27.648.256.743	(49.750.000)
- Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Cảnh Đòng Việt	44.726.197.518	-	18.890.164.645	-
- Công ty Cổ Phần Năng Và Gió	18.218.253.076	-	-	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	10.083.556.536	-	8.758.092.098	(49.750.000)
Trả trước cho người bán ngắn hạn dài hạn	-	-	-	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan	62.944.450.594	-	18.900.683.645	-
- Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Cảnh Đòng Việt	44.726.197.518	-	18.890.164.645	-
- Công ty Cổ Phần Năng Và Gió	18.218.253.076	-	-	-
- Công ty TNHH An Hạnh Thông	-	-	10.519.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

8. PHẢI THU KHÁC

	<u>Tại 31/12/2022</u>	<u>Tại 01/01/2022</u>
	<u>Giá trị</u>	<u>Giá trị</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngắn hạn	49.665.373.377	58.273.355.899
<i>a. Tạm ứng</i>	<i>1.205.967.788</i>	<i>946.380.132</i>
<i>b. Phải thu khác</i>	<i>48.459.405.589</i>	<i>57.326.975.767</i>
- Phải thu đầu tư (1)	48.232.109.589	48.232.109.589
- Phải thu khác	227.296.000	9.094.866.178
Dài hạn	375.000.000	195.000.000
- Ký cược, ký quỹ dài hạn (2)	375.000.000	195.000.000
Cộng	50.040.373.377	58.468.355.899
<i>Phải thu khác là các bên liên quan</i>	<i>48.245.453.589</i>	<i>56.572.109.589</i>
- Công ty Cổ Phần Năng Và Gió	48.245.453.589	48.232.109.589
- Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Cánh Đồng Việt	-	8.340.000.000

(1) Đây là khoản hợp đồng hợp tác đầu tư dự án mua đất phát triển vùng nguyên liệu giữa Công ty Cổ phần Thực phẩm GC Food và Công ty Cổ phần Năng và Gió theo Hợp đồng số 01/2021/HĐHTĐT/GC-SW ký ngày 07/08/2021.

(2) Ký quỹ thuê văn phòng tại 304 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh và 11C Nguyễn Hữu Cảnh Q. Bình Thạnh.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GC FOOD

Lô V-2E, đường số 11. KCN Hồ Nai,
Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

10. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2022		Tại 01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hóa	851.435.006	-	2.021.834.293	-
Cộng	851.435.006	-	2.021.834.293	-

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	87.616.698	20.133.332
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	57.346.588	-
- Chi phí trả trước khác	30.270.110	20.133.332
Dài hạn	169.101.530	263.450.696
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	169.101.530	263.450.696
Cộng	256.718.228	283.584.028

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GC FOOD

Lô V-2E, đường số 11. KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai,

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại 01/01/2022	1.006.778.607	79.317.084	6.558.735.911	7.644.831.602
- Mua trong năm	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(527.437.000)	-	(1.575.527.273)	(2.102.964.273)
Tại 31/12/2022	479.341.607	79.317.084	4.983.208.638	5.541.867.329
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại 01/01/2022	(385.790.093)	(66.381.237)	(4.605.565.720)	(5.057.737.050)
- Khấu hao trong năm	(81.337.032)	(12.935.847)	(596.762.238)	(691.035.117)
- Thanh lý, nhượng bán	49.050.852	-	1.575.527.273	1.624.578.125
Tại 31/12/2022	(418.076.273)	(79.317.084)	(3.626.800.685)	(4.124.194.042)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2022	620.988.514	12.935.847	1.953.170.191	2.587.094.552
Tại 31/12/2022	61.265.334	-	1.356.407.953	1.417.673.287

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là: 1.281.998.903 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2022 là: 78.078.385 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GC FOOD

Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai,

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH****NGUYÊN GIÁ**

Tại 01/01/2022

- Mua trong năm

Tại 31/12/2022

GIÁ TRỊ HAO MÓN

Tại 01/01/2022

- Khấu hao trong năm

Tại 31/12/2022

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại 01/01/2022

Tại 31/12/2022

Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
-	54.909.091	54.909.091
41.000.950.000	-	41.000.950.000
41.000.950.000	54.909.091	41.055.859.091
-	(8.083.843)	(8.083.843)
-	(10.981.824)	(10.981.824)
-	(19.065.667)	(19.065.667)
-	46.825.248	46.825.248
41.000.950.000	35.843.424	41.036.793.424

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2022 là: 41.000.950.000 đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GC FOOD
Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai,

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	Tại 31/12/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
Mua đất xây văn phòng	-	40.000.000.000
Căn hộ Cocobay Đà Nẵng (*)	3.959.295.050	3.959.295.050
Dự án Spaceship Mart	539.480.667	-
Chi phí sửa chữa văn phòng	62.780.200	-
Cộng	4.561.555.917	43.959.295.050

(*) Đây là dự án mua 2 căn hộ R1 - 1616 theo hợp đồng số 2467/2016/HĐMB/Coco Ocean Resort-MN ký ngày 24 tháng 11 năm 2016 và căn hộ R1-2414 theo hợp đồng số 246/2016/HĐMB/Coco Ocean Resort-MN ký ngày 24 tháng 11 năm 2016 tại tổ hợp dự án CocoBay – Đà Nẵng của Công ty cổ phần đầu tư phát triển và xây dựng Thành đô là chủ đầu tư (gọi tắt là Công Ty Thành Đô), có trụ sở tại 614 Lạc Long Quân, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Đến thời điểm hiện tại, dự án CocoBay – Đà Nẵng vẫn chưa hoàn thành và bàn giao căn hộ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GC FOOD**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai,

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Tại 31/12/2022 (VND)			Tại 01/01/2022 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
a. Đầu tư vào công ty con	202.200.000.000	(11.686.024.830)	190.513.975.170	202.200.000.000	(1.553.232.887)	202.200.000.000
+ Công ty Cổ phần Thực Phẩm Cô Cô Việt Nam (1)	39.800.000.000	-	39.800.000.000	39.800.000.000	-	39.800.000.000
+ Công ty Cổ phần Thực Phẩm Ánh Đông Việt (2)	69.500.000.000	-	69.500.000.000	69.500.000.000	-	69.500.000.000
+ Công ty TNHH MTV Công nghệ Pura (3)	4.900.000.000	(1.655.453.937)	3.244.546.063	4.900.000.000	(1.553.232.887)	4.900.000.000
+ Công ty Cổ Phần Năng Và Gió (4)	88.000.000.000	(10.030.570.893)	77.969.429.107	88.000.000.000	-	88.000.000.000
b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	20.000.000.000	(3.939.421)	19.996.060.579	-	-	-
+ Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Nhiệt Đới Sài Gòn (5)	20.000.000.000	(3.939.421)	19.996.060.579	-	-	-
c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25.000.000	-	25.000.000	25.000.000	-	25.000.000
+ Công ty TNHH Matsumoto Farm	25.000.000	-	25.000.000	25.000.000	-	25.000.000
d. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000
+ Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh KCN Biên Hòa (6)	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Cộng	204.225.000.000	(11.689.964.251)	192.538.975.170	204.225.000.000	(1.553.232.887)	204.225.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GC FOOD

Lô V-2E, đường số 11. KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai,

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)

- (1) Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600714322 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2004, thay đổi lần 12 vào ngày 25 tháng 01 năm 2022 về việc thay đổi loại hình doanh nghiệp do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp. Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C đăng ký đầu tư vào Công ty Cổ phần Thực phẩm Cô Cô Việt Nam là 39.800.000.000 VND, tương đương 99,5% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Thực phẩm Cô Cô Việt Nam là 99,5%. Kết quả kinh doanh năm 2022, Công ty Cổ phần Thực phẩm Cô Cô Việt Nam có lãi và lợi nhuận lũy kế dương.
- (2) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4500577748 ngày 20 tháng 05 năm 2014 do Sở KH&ĐT tỉnh Ninh Thuận cấp, thay đổi lần thứ 7, ngày 21 tháng 06 năm 2021, Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty CP Thực Phẩm Cánh Đòng Việt là 69.500.000.000 VND, tương đương 99,29% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty CP Thực Phẩm Cánh Đòng Việt là 99,29%. Kết quả kinh doanh năm 2022, Công ty CP Thực phẩm Cánh đòng Việt có lãi và lợi nhuận lũy kế dương.
- (3) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315459693 ngày 04 tháng 01 năm 2019 do Sở KH&ĐT Tp. Hồ Chí Minh cấp, thay đổi lần thứ 1, ngày 31 tháng 07 năm 2019, Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty TNHH MTV Công nghệ Pura là 4.900.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty TNHH MTV Công nghệ Pura là 100%. Công ty Pura lỗ, đã lập dự phòng đầy đủ.
- (4) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4500624846 ngày 17 tháng 07 năm 2018 do Sở KH&ĐT tỉnh Ninh Thuận cấp, thay đổi lần thứ 5, ngày 08 tháng 06 năm 2022, Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty Cổ Phần Năng và Gió là 88.000.000.000 VND, tương đương 88% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ Phần Năng và Gió là 88%. Kết quả kinh doanh năm 2022, Công ty Cổ Phần Năng và Gió lỗ và lợi nhuận lũy kế âm.
- (5) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4500654985 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 04 năm 2022 do Sở KH&ĐT tỉnh Ninh Thuận cấp, Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Nhiệt Đối Sài Gòn là 20.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Nhiệt Đối Sài Gòn là 40%. Kết quả kinh doanh năm 2022, Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Nhiệt Đối Sài Gòn lỗ và lợi nhuận lũy kế âm..
- (6) Khoản đầu tư trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh KCN Biên Hòa với 2.000 trái phiếu, mệnh giá 1.000.000 đồng/trái phiếu tương đương là 2.000.000.000 VND, lãi suất 7,9%/năm, thời hạn 10 năm từ ngày 28/6/2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GC FOOD

Lô V-2E, đường số 11. KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai,

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)****Thông tin bổ sung về công ty con**

	Tại 31/12/2022		Tại 01/01/2022	
	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Công nghệ Pura	4.900.000.000	100,00%	4.900.000.000	100,00%
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Cô Cò Việt Nam	3.980.000	99,50%	3.980.000	99,50%
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Cánh ĐỒNG Việt	6.950.000	99,29%	6.950.000	99,29%
Công ty Cổ phần Năng Và Gió	8.800.000	88,00%	8.800.000	88,00%

Thông tin bổ sung về công ty liên kết

	Tại 31/12/2022		Tại 01/01/2022	
	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Nhiệt Đới Sài Gòn	2.000.000	40,00%	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)

Thông tin bổ sung về công ty con, công ty liên kết (tiếp)	Vốn điều lệ tại 31/12/2022	Vốn thực góp tại 31/12/2022	Trụ sở	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Có Cô Việt Nam	40.000.000.000	40.000.000.000	Lô V-2E, đường số 11. KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai, Việt Nam	Sản xuất nước giải khát: nha đam, thạch dứa, thạch sữa chua, thảo mộc, sữa đậu nành.
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Cánh Đồng Việt	70.000.000.000	70.000.000.000	Quốc lộ 1A, Khu công nghiệp Thành Hải, Xã Thành Hải, Tp. Phan Rang-Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Sản xuất chế biến nha đam, thạch dứa, thạch sữa chua, thảo mộc, sữa đậu nành.
Công ty TNHH MTV Công nghệ Pura	4.900.000.000	4.900.000.000	304, Đường Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại.
Công ty Cổ Phần Năng Và Gió	100.000.000.000	100.000.000.000	Phú Thuận, Xã Mỹ Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Trồng cây ăn quả và chăn nuôi gia cầm.
Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Nhiệt Đới Sài Gòn	50.000.000.000	50.000.000.000	Lô A1 - A2, KCN Thành Hải, Xã Thành Hải, TP. Phan Rang-Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GC FOOD

Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai,

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại 31/12/2022		Tại 01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	49.768.823.118	49.768.823.118	28.936.708.464	28.936.708.464
- Công ty Cổ phần Thực Phẩm Cô Cô Việt Nam	48.220.912.680	48.220.912.680	27.977.323.948	27.977.323.948
- Công ty Cổ Phần Banzai Tây Nguyên	342.384.380	342.384.380	-	-
- Công ty TNHH Vận tải Hoàng Nam S.G	341.512.041	341.512.041	367.007.091	367.007.091
- Phải trả người bán khác	864.014.017	864.014.017	592.377.425	592.377.425
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan	48.220.912.680	48.220.912.680	28.137.982.422	28.137.982.422
- Công ty Cổ phần Thực Phẩm Cô Cô Việt Nam	48.220.912.680	48.220.912.680	27.977.323.948	27.977.323.948
- Công ty Cổ Phần Năng Và Gió	-	-	160.658.474	160.658.474
- Công ty TNHH An Hạnh Thông	15.609.975	15.609.975	-	-

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2022		Tại 01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	74.927.922	74.927.922	571.637.024	571.637.024
- Công ty Cổ Phần Global Malls	-	-	421.545.605	421.545.605
- Công ty Cổ Phần Fesdy	-	-	131.214.187	131.214.187
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	74.927.922	74.927.922	18.877.232	18.877.232
Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-	-	-
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	-	131.214.187	131.214.187
- Công ty Cổ Phần Fesdy	-	-	131.214.187	131.214.187

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GC FOOD

Lô V-2E, đường số 11. KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai,

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại 01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại 31/12/2022
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.526.248.040	73.683.882	1.526.248.040	73.683.882
- Thuế thu nhập cá nhân	91.120.276	484.394.455	485.608.348	89.906.383
- Các khoản lệ phí, phạt thuế	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	1.617.368.316	561.078.337	2.014.856.388	163.590.265
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
- Thuế giá trị gia tăng phải thu	117.912.155	-	-	117.912.155
Cộng	117.912.155	-	-	117.912.155

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GC FOOD

Lô V-2E, đường số 11. KCN Hố Nai,
Xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai,

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
- Chi phí thưởng	282.139.413	202.737.534
- Các khoản trích trước khác	175.549.000	34.000.000
Cộng	457.688.413	236.737.534

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 31/12/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	2.023.772.409	2.476.051.918
- Kinh phí công đoàn	66.516.076	9.282.450
- Bảo hiểm xã hội, BHYT, BH thất nghiệp	-	-
- Phải trả, phải nộp khác	1.020.856.333	1.539.244.468
- Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	936.400.000	927.525.000
Dài hạn	-	-
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Cộng	2.023.772.409	2.476.051.918
<i>Phải trả khác là các bên liên quan</i>		
- Công ty TNHH MTV Công nghệ Pura	-	90.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GC FOOD

Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai,

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Tại 31/12/2022		Trong kỳ		Tại 01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)
	a. Vay ngắn hạn ngân hàng	75.737.921.325	75.737.921.325	133.976.817.966	115.700.657.316	57.461.760.675
- Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Mươi Tháng Tư (1)	69.985.436.741	69.985.436.741	99.103.201.425	85.390.074.117	56.272.309.433	56.272.309.433
- Ngân hàng thương mại Cổ Phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa (2)	5.752.484.584	5.752.484.584	34.873.616.541	30.310.583.199	1.189.451.242	1.189.451.242
b. Vay dài hạn ngân hàng	-	-	-	-	-	-
Cộng	75.737.921.325	75.737.921.325	133.976.817.966	115.700.657.316	57.461.760.675	57.461.760.675

(1) Vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức 01/2022/11246269/HĐTD ngày 12/08/2022

- Hạn mức cho vay: 70 tỷ đồng
- Thời hạn vay: 12 tháng.
- Lãi suất vay theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
- Tài sản thế chấp được thế hiện: Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 01/2022/11246269/HĐBĐ ngày 08/06/2022
- Dư nợ đến 31/12/2022: 69.985.436.741 đồng.

(2) Vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 90/2021-HĐCVHM/NHCT682-GC ngày 30/12/2021:

- Hạn mức cho vay: 25 tỷ đồng
- Thời hạn vay: 30/12/2021 - 25/11/2022
- Lãi suất vay theo từng Giấy nhận nợ.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GC FOOD

Lô V-2E, đường số 11, KCN Hố Nai, Xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai,

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP)

- Tài sản thế chấp được thể hiện:
- + Hợp đồng thế chấp số 06-2013-GC/HDTC ngày 22/10/2013 và các văn bản sửa đổi có liên quan giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN KCN Biên Hòa và Ông/Bà Lê Trần Thanh/Nguyễn Thị Bích.
- + Hợp đồng thế chấp số DATQ9/2018/HĐBĐ/NHCT682 ngày 06/11/2018 và các văn bản sửa đổi có liên quan giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN KCN Biên Hòa và Ông/Bà Nguyễn Văn Thụ/Vũ Thị Thanh.
- + Hợp đồng thế chấp số CANHOQ2/2018/HĐBĐ/NHCT682 ngày 28/09/2018; 01/2019/HĐBĐ/NHCT682-VNCC-Q.2 ngày 30/10/2019 và các văn bản sửa đổi có liên quan giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN KCN Biên Hòa và Ông/Bà Nguyễn Văn Thụ/Nguyễn Thị Thanh Tâm; và văn bản bảo lãnh ngày 28/09/2018.
- + Hợp đồng thế chấp số 01-DATSONGTRAU/2018/HĐBĐ/NHCT682 ngày 27/06/2018 và các văn bản sửa đổi có liên quan giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN KCN Biên Hòa và Ông/Bà Nguyễn Văn Thụ/Nguyễn Thị Thanh Tâm; và văn bản bảo lãnh ngày 26/06/2018.
- + Hợp đồng cầm cố số 03-GC-TP/2018/HĐBĐ/NHCT2018 ngày 16/08/2018 và các văn bản sửa đổi có liên quan giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN KCN Biên Hòa và Công ty CP thực phẩm G.C.
- + Hợp đồng thế chấp số 01/2020/HĐBĐ/NHCT682-HTK-GC ngày 09/11/2020 và các văn bản sửa đổi có liên quan giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN KCN Biên Hòa và Công ty CP thực phẩm G.C.
- + Hợp đồng thế chấp số 02/2020/HĐBĐ/NHCT682-KPT-GC ngày 09/11/2020 và các văn bản sửa đổi có liên quan giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN KCN Biên Hòa và Công ty CP thực phẩm G.C.
- Dư nợ đến 31/12/2022: 5.752.484.584 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GC FOOD

Lô V-2E, đường số 11, KCN Hố Nai, Xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai,

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***22. VỐN CHỦ SỞ HỮU****22.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại 01/01/2021	160.000.000.000	-	9.404.497.155	169.404.497.155
- Tăng vốn trong năm	100.000.000.000	-	-	100.000.000.000
- Lợi nhuận trong năm	-	-	12.963.533.561	12.963.533.561
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2021	-	-	(648.176.678)	(648.176.678)
Tại 31/12/2021	260.000.000.000	-	21.719.854.038	281.719.854.038
Tại 01/01/2022	260.000.000.000	-	21.719.854.038	281.719.854.038
- Lợi nhuận năm nay	-	-	21.017.170.201	21.017.170.201
- Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi năm 2022	-	-	(1.050.858.510)	(1.050.858.510)
- Chia cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu (*)	-	-	-	-
Tại 31/12/2022	260.000.000.000	-	41.686.165.729	301.686.165.729

(*) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 25/2022/NQ-HDQT ngày 10/10/2022 đã thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2021. Theo đó, ngày 22/12/2022, Công ty công bố tỷ lệ chia cổ tức bằng cổ phiếu là 18%, tương đương 4.679.999 cổ phiếu và đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận theo Thông báo số 292/UBCK-QLCB ngày 17/01/2023. Tháng 01 năm 2023, căn cứ theo Thông báo này Công ty ghi nhận tăng vốn góp của chủ sở hữu từ việc chia cổ tức bằng cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

22.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Chủ sở hữu	Tại 31/12/2022		Tại 01/01/2022	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
Ông Nguyễn Văn Thứ	40,00%	104.000.000.000	47,84%	124.384.170.000
Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư	19,23%	50.001.000.000	19,23%	50.001.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	1,62%	4.200.000.000	9,23%	24.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Tiên	0,02%	50.000.000	9,62%	25.000.500.000
Bà Huỳnh Thị Thanh Nga	1,68%	4.359.000.000	9,62%	25.000.500.000
Các cổ đông khác	37,46%	97.390.000.000	4,46%	11.613.830.000
Cộng	100%	260.000.000.000	100%	260.000.000.000

22.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	260.000.000.000	160.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	100.000.000.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	260.000.000.000	260.000.000.000
Cổ tức đã chia bằng cổ phiếu (*)	-	-

(*) Xem thuyết minh tại 22.1

22.4 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2022	Tại 01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.000.000	26.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	26.000.000	26.000.000
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	26.000.000	26.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.000.000	26.000.000
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	26.000.000	26.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
* <i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GC FOOD

Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai,
Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai,

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

23. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Tại 31/12/2022		Tại 01/01/2022	
	VND tương đương	Nguyên tệ	VND tương đương	Nguyên tệ
Ngoại tệ các loại				
Đô la Mỹ (USD)	3.816.081.891	163.010,76	1.031.788.271	45.493,31

24. DOANH THU VÀ CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
a. Tổng Doanh thu	192.746.555.905	161.228.988.463
- Doanh thu bán hàng hóa	191.776.555.905	160.388.988.463
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	970.000.000	840.000.000
b. Doanh thu với các bên liên quan	4.383.306.328	4.625.811.000
- Công ty Cổ phần Thực Phẩm Cô Cô Việt Nam	906.710.835	4.625.811.000
- Công ty Cổ phần Thực Phẩm Cánh Đồng Việt	216.805.584	7.900.631.500
- Công ty Cổ Phần Năng Và Gió	259.786.909	600.000
- Công ty TNHH An Hạnh Thông	3.000.003.000	-
c. Các khoản giảm trừ doanh thu	1.070.375.801	4.631.704.086
- Chiết khấu thương mại	714.757.709	333.106
- Giảm giá hàng bán	4.597.418	17.901.000
- Hàng bán bị trả lại	351.020.674	4.613.469.980

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	147.368.593.113	122.652.068.770
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	201.317.448	402.877.088
Cộng	147.569.910.561	123.054.945.858

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, cho vay	139.711.974	734.560.416
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	653.938.556	194.260.345
Cổ tức, lợi nhuận được chia	22.264.000.000	8.340.000.000
Cộng	23.057.650.530	9.268.820.761

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GC FOOD

Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai,
Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai,

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí lãi vay	5.076.942.224	3.723.325.886
Dự phòng đầu tư	10.136.731.364	1.553.232.887
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	180.276.627	125.001.424
Lỗi chênh lệch đánh giá lại tỷ giá cuối năm	2.497.817	27.335.125
Cộng	15.396.448.032	5.428.895.322

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<i>a. Chi phí quản lý doanh nghiệp</i>		
Chi phí nhân viên quản lý	7.489.698.763	5.770.434.763
Chi phí vật liệu, bao bì	305.332.497	252.916.188
Chi phí khấu hao TSCĐ	579.570.291	570.251.079
Thuế, phí và lệ phí	304.020.324	486.231.336
Chi phí dự phòng	3.455.413.800	2.570.671.532
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.081.096.023	3.344.654.005
Chi phí bằng tiền khác	1.604.044.575	1.713.336.091
Cộng	17.819.176.273	14.708.494.994
<i>b. Chi phí bán hàng</i>		
Chi phí nhân viên	2.853.300.158	3.184.618.298
Chi phí vật liệu, bao bì	226.509.404	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	57.771.260	79.564.051
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	8.441.543
Chi phí dịch vụ mua ngoài	755.441.664	431.253.673
Chi phí bằng tiền khác	10.070.249.459	6.685.005.949
Cộng	13.963.271.945	10.388.883.514

29. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi thanh lý TSCĐ	330.869.034	30.000.000
Tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng	-	2.004.222.222
Thu nhập khác	868.870.458	230.861.104
Cộng	1.199.739.492	2.265.083.326

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GC FOOD

Lô V-2E, đường số 11. KCN Hồ Nai,
Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai,

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

30. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thanh lý TSCĐ, CCDC	-	-
Tiền phạt vi phạm hành chính	29.111.000	57.265.000
Các khoản khác	64.798.232	2.922.175
Cộng	93.909.232	60.187.175

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.090.854.083	14.489.781.601
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán trước thuế	(20.722.434.671)	(6.858.541.399)
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận tính thuế	1.547.942.512	1.481.458.601
+ Chi phí không được trừ	1.547.942.512	1.481.458.601
+ Chi phí lãi vay theo Nghị định 132	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế	(22.270.377.183)	(8.340.000.000)
Cổ tức lợi nhuận được chia	(22.264.000.000)	(8.340.000.000)
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản mục tiền tệ cuối năm (tiền, phải thu)	(6.377.183)	-
Tổng thu nhập tính thuế trong năm	368.419.412	7.631.240.202
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	73.683.882	1.526.248.040

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa	147.447.463.911	119.148.304.608
Chi phí nhân công	10.342.998.921	8.815.704.931
Chi phí khấu hao tài sản cố định	702.016.941	763.019.107
Thuế, phí và lệ phí	304.020.324	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.836.537.687	3.775.907.678
Chi phí bằng tiền khác	15.719.320.995	15.649.388.042
Cộng	179.352.358.779	148.152.324.366

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***33. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Cô Cô Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Cánh Đồng Việt	Công ty con
Công ty TNHH MTV Công nghệ Pura	Công ty con
Công ty Cổ Phần Năng Và Gió	Công ty con
Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Nhiệt Đới Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty TNHH An Hạnh Thông	Công ty cùng hệ thống
Công ty Cổ Phần Fesdy	Công ty cùng hệ thống
G.C Food USA Inc	Công ty cùng hệ thống
Ông Nguyễn Văn Thứ	Tổng giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Cổ đông nắm giữ cổ phần đáng kể
Bà Bùi Thị Mai Hiên	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Diệp Pháp	Thành viên HĐQT
Ông Lê Hoàn Sử	Thành viên HĐQT độc lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***33. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Trong kỳ, các giao dịch và số dư của Công ty với các bên liên quan cụ thể như sau:

<u>Số dư với các bên liên quan</u>	<u>Tại 31/12/2022</u>	<u>Tại 01/01/2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
1. Công ty Cổ phần Thực Phẩm Cô Cô Việt Nam		
- Phải trả tiền mua hàng hoá, cung cấp dịch vụ	48.220.912.680	27.977.323.948
2. Công ty Cổ phần Thực phẩm Cánh Đồng Việt		
- Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	45.980.000
- Ứng trước tiền mua hàng hóa	44.726.197.518	18.890.164.645
- Phải thu cổ tức	-	8.340.000.000
3. Công ty TNHH MTV Công nghệ Pura		
- Phải trả tiền mượn	-	90.000.000
4. Công ty Cổ phần Năng và Gió		
- Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	950.325.300	-
- Phải thu khác	48.245.453.589	48.232.109.589
- Phải trả tiền mua hàng hóa	-	160.658.474
- Ứng trước tiền mua hàng hóa	18.218.253.076	-
5. Công ty TNHH An Hạnh Thông		
- Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.000.003.000	-
- Phải trả tiền mua hàng hoá, cung cấp dịch vụ	15.609.975	-
- Ứng trước tiền mua hàng hóa	-	10.519.000
6. Công ty Cổ Phần Fesdy		
- Người mua trả tiền trước	-	131.214.187
- Phải trả tiền mua hàng hóa	-	-
7. G.C Food USA Inc		
- Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	399.278.865
8. Ông Nguyễn Văn Thứ		
- Tạm ứng	1.000.000.000	-
9. Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm		
- Tạm ứng	(6.840.000)	-
10. Bà Bùi Thị Mai Hiền		
- Tạm ứng	3.700.000	-
11. Ông Nguyễn Diệp Pháp		
- Tạm ứng	(9.390.489)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

33. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập của HĐQT và Ban Giám đốc			
- Ông Nguyễn Văn Thứ	Chủ tịch Hội đồng Quản Trị/Tổng Giám đốc	752.348.814	520.342.386
- Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên HĐQT/Trưởng phòng truyền thông	419.920.674	347.249.605
- Bà Bùi Thị Mai Hiền	Thành viên HĐQT/Trưởng phòng B2B	709.873.993	537.672.103
- Ông Nguyễn Diệp Pháp	Thành viên HĐQT/Trưởng phòng Kinh doanh quốc tế	645.725.667	381.549.284
Thù lao của Hội đồng Quản trị Cộng		-	-
		<u>2.527.869.148</u>	<u>1.786.813.378</u>

34. THÔNG TIN KHÁC

34.1 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

34.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 25/2022/NQ-HĐQT ngày 10/10/2022 đã thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2021. Theo đó, ngày 22/12/2022, Công ty công bố tỷ lệ chia cổ tức bằng cổ phiếu là 18%, tương đương 4.679.999 cổ phiếu và đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận theo Thông báo số 292/UBCK-QLCB ngày 17/01/2023. Tháng 01 năm 2023, căn cứ theo Thông báo này Công ty ghi nhận tăng vốn góp của chủ sở hữu từ việc chia cổ tức bằng cổ phiếu.

34.3 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Các khoản cam kết thuê hoạt động bao gồm:

- Hợp đồng thuê văn phòng giữa Công ty và Công ty TNHH Thực phẩm Cô Cô Việt Nam số TVP01-2020/GC-CC ngày 01/01/2020 và Phụ lục Hợp đồng số 01.2021/PLHD/TVP01-2020/GC-CC về việc gia hạn hợp đồng thuê từ 01/01/2021 đến 31/12/2025, giá thuê 50.000.000 đồng/tháng (ổn định trong 05 năm).
- Hợp đồng thuê văn phòng giữa Công ty và Bà Triệu Thị Sim ký ngày 12/11/2022. Thời gian thuê 05 năm từ 12/11/2022 đến 11/12/2027. Giá thuê 02 năm đầu (từ 12/12/2022 đến 11/12/2024) là 90.000.000 đồng/tháng; giá thuê 02 năm tiếp theo (từ 12/12/2024 đến 11/12/2026) là 99.000.000 đồng/tháng; giá thuê năm thứ 05 (từ 12/12/2026 đến 11/12/2027) là 104.000.000 đồng/tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

34.4 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán.

Đồng Nai, ngày 14 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Thị Châu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Châu

Đại diện pháp luật



Nguyễn Văn Thứ

